

BỘ NỘI VỤ - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**BỘ NỘI VỤ - BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 02/2015/TTLT-BNV-
BVHTTDL

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp
viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao***Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;**Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;**Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;**Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thể thao công lập.

Điều 2. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 3. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức ngành Thể dục thể thao, (sau đây viết tắt là Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL) nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên cao cấp (hạng I), mã số V.10.01.01 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên cao cấp, mã số 18.179;

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II), mã số V.10.01.02 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên chính, mã số 18.180;

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III), mã số V.10.01.03 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch huấn luyện viên, mã số 18.181;

4. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV), mã số V.10.01.04 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch hướng dẫn viên, mã số 18.182.

Điều 4. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên cao cấp (hạng I) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm;

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã xếp ngạch hướng dẫn viên (mã số 18.182), bậc 4, hệ số lương 2,46 kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV), mã số V.10.01.04 thì xếp bậc 4, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao có hệ số bậc lương thấp hơn ở ngạch cũ thì việc xếp lương vào bậc trong chức danh nghề nghiệp viên chức được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) để xếp vào bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

Tính từ bậc 1 của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, cứ sau thời gian 3 năm (đủ 36 tháng) đối với chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) hoặc cứ sau thời gian 2 năm (đủ 24 tháng) đối với chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) được xếp lên 01 bậc lương của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.